TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Phúc Định.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Chí Thân và ông Vũ Khắc Hoàn
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Chung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2023 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: số nhà 19, khu 7, phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1981.
Địa chỉ: số nhà 19, khu 7, phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống với bố mẹ chồng tại số nhà 19, khu 7, phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về việc sắp xếp thời gian trong cuộc sống, không chung trong việc nuôi dạy con và công việc. Nhận thấy tình cảm rạn nứt, quan hệ vợ chồng không còn nên chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không có khả năng đoàn tụ, nên chị

Phạm Thị Ánh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V có 02 con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 15/02/2017. Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Vinh cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Xuân V nhưng anh Nguyễn Xuân V không có mặt tại các phiên họp và các buổi làm việc vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày quan điểm về việc chị Tuyết khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. *Tại Biên bản xác minh ngày 30/8/2023 bà Đào Thị Nh (là mẹ đẻ anh Nguyễn Xuân V) cung cấp:* Anh Nguyễn Xuân V là con trai của bà, anh V hiện đang sống cùng nhà với bà. Do anh V đi làm nên bà đã nhận văn bản tố tụng do Tòa án chuyển đến cho anh V. Sau khi nhận được bà đã chuyển lại cho anh V, anh V có nói với con gái lớn của anh V là anh bận không lên được.

Ngày 15/8/2023 Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tiến hành lập biên bản xác minh qua ông Đàm Tú H - Trưởng khu 7, phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V kết hôn ngày 01/10/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q Y, huyện Y H *(nay là phường Q Y, thị xã Q Y)*, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn cả 2 sinh sống tại nhà bố mẹ anh V tại khu 7, phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống cả 2 không yêu cầu khu phố hòa giải mâu thuẫn nên nguyên nhân mâu thuẫn khu phố không nắm được, chỉ biết cả 2 đã sống ly thân, chị T về nhà mẹ đẻ sống. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 15/02/2017. Hiện 2 cháu theo chị T về nhà mẹ đẻ sống. Nếu chị T và anh V ly hôn đề nghị Tòa án xem xét điều kiện và nguyện vọng của các bên để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho 2 cháu nhỏ.

Về tài sản khu phố không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại các Điều 203, 204, 205, 206, 207, 208 và Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm giải quyết vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T đã cơ bản chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân V chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt). Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bản tự khai của các đương sự và kết quả Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ánh T. Xử chị Phạm Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 15/02/2017, cho chị Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 10/2023 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ánh T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Ánh T khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Xuân V và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Xuân V có nơi cư trú tại khu 7, phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T vắng mặt *(có đơn xin xử vắng mặt)*; bị đơn anh Nguyễn Xuân V đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn đảm bảo đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V có đăng ký kết hôn từ năm 2008 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn 2 năm, trong quá trình sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau; anh Nguyễn Xuân V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm về vấn đề yêu cầu ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Xuân V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V có 02 con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 15/02/2017, chị T nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Xuân V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung là Nguyễn Thủy T và Nguyễn Bình A ở với chị Phạm Thị Ánh T từ bé và từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đến nay chị Phạm Thị Ánh T vẫn đang nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung. Tại Biên bản lấy lời khai đối với cháu Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011, cháu Nguyễn Thủy T có nguyện vọng nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu mong muốn được ở với mẹ, như vậy nguyện vọng nuôi con chung của chị Phạm Thị Ánh T và nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu mong muốn được ở với mẹ của cháu Nguyễn Thủy T là phù hợp; anh Nguyễn Xuân V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm về vấn đề con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Phạm Thị Ánh T, giao 02 con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 15/02/2017, cho chị Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Xuân V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Phạm Thị Ánh T và anh Nguyễn Xuân V không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

2. *Về con chung:* Giao 02 *(Hai)* con chung là Nguyễn Thủy T, sinh ngày 22/7/2011 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 15/02/2017, cho chị Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 10/2023 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, Nguyễn Xuân V không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Ánh T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010306 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, chị Phạm Thị Ánh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm ngày)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND thị xã Quảng Yên.
- Chi cục THADS thị xã Quảng Yên.
- UBND phường Q Y, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phúc Định